TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2021/QĐST-HNGĐ	*Thạch Thành, ngày 08 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 46/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn". Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Trần Văn T; sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Chị Đinh Thị T; sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Đinh Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 18/7/2017 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi kết hôn hai bên chưa có nhiều thời gian tìm hiểu nhau nên khi chung sống với nhau thì nhận ra vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Nghĩ nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu của anh T và chị T.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Yến V, sinh ngày 10/11/2008; Trần Trường P, sinh ngày 06/5/2018. Ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng cho cháu Trần Trường P mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản: Anh T và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh T và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị T thỏa thuận, anh T là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Trần Văn T và chị Đinh Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng thống nhất giao hai con chung là Trần Yến V, sinh ngày 10/11/2008 và cháu Trần Trường P, sinh ngày 06/5/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng cho cháu Trần Trường P mỗi thàng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về lệ phí: Anh Trần Văn T tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí DSST về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST anh T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số:AA/2018/0003025 ngày 10/3/2021, anh T đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cúc